ĐỐI THOẠI VỀ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI - ĐÔ THỊ

TRONG TIỂU THUYẾT VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XXI

**Nguyễn Thùy Trang**

***Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế***

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thùy Trang, email: nguyenthuytrang@hueuni.edu.vn

**Tóm tắt:**Cảm hứng về môi trường sinh thái là một trong những nguồn mạch phát triển mạnh mẽ của văn học thế kỉ XXI. Đứng trước vấn nạn môi trường đang diễn ra nghiêm trọng hiện nay, tiểu thuyết đã phôi thai những tưởng tượng mới về môi trường, khởi sinh lối viết song hành với tự nhiên và tạo ra những từ trường đối thoại gợi mở nhiều suy tư. Trong bài báo này, người nghiên cứu tập trung hai nội dung cơ bản: giải cấu trúc quan niệm “nhân loại trung tâm” và tra vấn về chủ nghĩa tiêu dùng.

**Từ khóa**: chủ nghĩa tiêu dùng; đô thị; nhân loại trung tâm; sinh thái; tiểu thuyết.

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Khi vạch trần những sai lầm trong tư tưởng loài người, M. Fukuoka đã cảnh báo: “nhiều loài động thực vật đang tuyệt chủng mỗi ngày, và ý nghĩa sự biến mất của một loài chim hay loài cây không chỉ là cái chết của loài chim và loài cây đó mà thôi. Nó có tầm sinh tử đối với tất cả chúng ta. Nó phá hỏng sự tồn tại hài hoà của mọi sinh vật” (Fukuoka M, 2017, 20). Nếu loài vật biến mất, con người cũng không thể có vị trí độc tôn. Vì mỗi sinh mệnh đều có mắt xích liên đới lẫn nhau, ~~nó~~ tạo thành mạng lưới sinh thái trong vũ trụ. Con người chỉ là một chủ thể bé nhỏ, giữa hằng hà sự sống; quá trình trao đổi chất, hít thở không khí, thu nhận oxi, thải cacbon đều nhịp nhàng vận hành cùng vũ trụ. Từ quan niệm sinh thái trung tâm, con người cần có thái độ hài hoà và tôn trọng tự nhiên. Nếu con người tàn hại đến tự nhiên nghĩa là đang tàn hại chính mình. Ngày nay, những hoạt động và lối sống của con người đã làm cho môi trường xung quanh bị hủy hoại, không chỉ riêng Trái đất, hệ sinh quyển cũng phải gánh chịu tổn thất nặng nề. Những câu chuyện về mối quan hệ nhân quả giữa con người và tự nhiên sẽ luôn là “hành trang quý giá” để con người bước đi trên con đường rút ngắn “ngày tận thế”. Trong một khoảng thời gian dài ở thế kỉ trước, văn học nghệ thuật đã hồn nhiên ca ngợi và cổ vũ cho những việc làm tác động đến cảnh quan môi trường. Chỉ khi hội nhập quốc tế và đứng trước vấn nạn sinh thái, con người trong xã hội thế kỉ XXI nói chung và giới sáng tác, phê bình nghệ thuật nói riêng mới quay về nhận thức lại mối quan hệ với tự nhiên, bắt mạch vào văn hoá truyền thống phương Đông cổ đại “Thiên - Địa - Nhân”. Chính lẽ đó, phản tư về môi trường sinh thái - đô thị như một sự đối thoại đầy trách nhiệm của các nhà văn đương đại. Ngày nay, nhân loại đang phải trả giá đắt cho những gì chiếm đoạt từ tự nhiên. Việc nhận thức lại môi trường sinh thái là một vấn đề cấp thiết, quan trọng, nhằm điều phối suy nghĩ và hành động của chúng ta.

Cảm hứng về môi trường sinh thái là một trong những nguồn mạch phát triển mạnh mẽ của văn học thế kỉ XXI. Đứng trước vấn nạn môi trường đang diễn ra nghiêm trọng hiện nay, tiểu thuyết đã phôi thai những tưởng tượng mới về môi trường, khởi sinh lối viết song hành với tự nhiên và tạo ra những từ trường đối thoại gợi mở nhiều suy tư. Theo Nguyễn Thị Tịnh Thy: “Văn học sinh thái còn thể hiện trách nhiệm sinh thái, lý tưởng sinh thái, phê phán mặt trái của văn minh, phản ánh nguy cơ sinh thái, nguy cơ tinh thần, nguy cơ tư tưởng và nguồn gốc xã hội của các nguy cơ đó” (Nguyễn Thị Tịnh Thy, 2017, 93). Trong bài báo này, người nghiên cứu tập trung hai chiều đối thoại cơ bản: giải cấu trúc quan niệm “nhân loại trung tâm” và tra vấn về chủ nghĩa tiêu dùng.

**2. NHỮNG CHIỀU ĐỐI THOẠI VỀ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI - ĐÔ THỊ TRONG TIỂU THUYẾT VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XXI**

**2.1. Giải cấu trúc quan niệm “nhân loại trung tâm”**

 “Thuyết nhân loại trung tâm” (Anthropocentrism) bắt nguồn từ phương Tây vào thời kì Khai sáng. Sự phát triển vượt bậc của khoa học kĩ thuật thời điểm đó đã hỗ trợ đắc lực cho con người khám phá, chinh phục tự nhiên, xác lập địa vị thống trị trong thế giới này. Qua đó, con người càng có niềm tin và kiêu hãnh cho mình là trung tâm vũ trụ. Học thuyết hướng đến thái độ đề cao con người với thế giới. Người cổ suý mạnh mẽ cho tư tưởng này có lẽ phải nhắc đến Descartes (1596-1650). Đưa ra ý niệm đối lập với tinh thần của Phật giáo, Descartes xem vũ trụ như một hệ thống do những sự vật cá biệt ghép lại mà thành, hơn nữa “động vật chẳng có gì khác với cái máy”. Về sau, Arne Kalland đã phản đối tư duy sai lệch này và nhấn mạnh: “một trong những nguồn gốc của mối quan tâm hiện tại cho tự nhiên ở thế giới phương Tây là sự phát triển nhận thức bên ngoài không tương xứng của cách đánh giá thế giới qua thuyết Descartes là thuyết phân tách vật thể ra khái chủ thể, ý nghĩa ra khái thể xác, văn hoá ra khái tự nhiên và khoa học văn hoá ra khái khoa học tự nhiên” (Elly R và c.s., 2010, 469). Bước sang thế kỉ XXI, thuyết nhân loại trung tâm đã trở nên lỗi thời, thậm chí có thể xem là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến những thảm họa môi trường. Là một thể loại “phản ánh hơi thở thời đại”, *tiểu thuyết đương đại đã có những bước chuyển mình trong việc chất vấn quan niệm về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, đối thoại lại về thuyết nhân loại trung tâm.*

Kinh thánh xưa răn dạy con người không được để thừa đồ ăn trong mỗi bữa, vì đó là món quà Chúa ban tặng, Chúa cho con người quyền năng sở hữu mọi thứ trên Trái đất, nên con người cần phải trân trọng. Sách Sáng Thế ghi chép rằng: “Thiên Chúa phán: Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta, để con người làm bá chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú, tất cả mặt đất và mọi giống vật bò dưới đất” (Sáng Thế, chương 1: 26). Ý niệm này, hiểu theo cách tường minh nhất, con người là chủ sở hữu trên mặt đất. Tuy nhiên, trong *Thập giá giữa rừng sâu,* Nguyễn Khắc Phê chứng minh rằng, có những tư duy cần xem xét lại. Trước hành động phá rừng bất chấp vì chiến tranh và mưu cầu vật chất, nhà văn đã đặt ra câu hỏi: “Vì lẽ nào con người cứ mãi dại dột tự phá hủy nguồn sống quý giá của mình?”. Hình ảnh cây thập giá giữa rừng sâu được Nguyễn Khắc Phê tái hiện như một tiếng kinh cầu nguyện vang lên tự cõi lòng nhân loại. “Ngày xưa, trên thế gian này, dù ở rừng sâu hay bên bờ các đại dương, cả những nơi tự xưng là đất Thánh, vốn không có cây thập giá nào”. Con người và vạn vật sống bên nhau như những người bạn. Cây thập giá chỉ được dựng lên khi Giêsu bị đóng đinh vào thập tự giá. Từ đó, những cây thập giá cao vót mọc lên như muốn nhắc nhở cái ác vẫn còn tồn tại, chúng ta phải sám hối để rửa sạch những vết nhơ, cứu rỗi những linh hồn khỏi cạm bẫy. Biểu tượng thập giá giữa rừng sâu về cơ bản mang hàm nghĩa sám hối, đồng thời cũng là lời cảnh tỉnh con người cần dừng lại những hành động xâm hại đến cây cỏ, muôn loài.

Với Nguyễn Trí, nhà văn đã lí giải vấn nạn môi trường xuất phát từ sự “mơ hồ văn hóa” trong tư duy của những người lao động nghèo miền Đông Nam Bộ. Văn hoá nông nghiệp ngàn xưa đã hình thành cảm quan sống dựa vào thiên nhiên trong mỗi người dân. Đặc biệt, những người di cư từ đồng bằng lên vùng núi luôn coi thiên nhiên là nơi che chở, lẩn trốn khỏi án tù tội, là nguồn tài nguyên vô tận để bóc lột. Công cuộc khai khẩn đất đai, khai khác sản vật không tuân theo quy tắc, cũng không có những kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp bền vững. Họ làm bằng bản năng sở hữu và một trình độ tri thức sơ đẳng của “tiểu học”. “Đa số những người tạm mượn mạch rừng làm lẽ sống luôn ỷ vào vô tận của mẹ thiên nhiên. Họ xả láng cho hôm nay, ngày mai có cái của ngày mai” (Nguyễn Trí, 2015, 36). Tuy nhiên, giữa bối cảnh bùng nổ dân số và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, thái độ xem tự nhiên như nguồn tài nguyên vô tận để phục vụ cho nhu cầu của con người sẽ trở thành mối nguy hại, đe doạ đến tương lai nhân loại và sự tồn vong của Trái đất.

Đọc Đỗ Phấn, độc giả lại được chứng nghiệm sự bất cập trong quá trình đô thị hóa qua các tiểu thuyết *Vắng mặt*, Quy hoạch đô thị thiếu khoa học và đề cao lợi nhuận đã khiến nhiều thành phố như các ma trận đẩy con người vào những bẫy nguy hiểm. Vì “nền văn minh cơ giới thản nhiên lấy đi sinh mạng con người một cách vô can” (Đỗ Phấn, 2011, 190). Hiểm họa trên đường phố luôn rình rập con người tứ phía. Trên mặt đất, phía trước phía sau, trái phải là xe cộ nườm nượp sẵn sàng đâm bổ vào mình. Trên cao, những chiếc cột điện “như một búi rác khổng lồ chằng chịt những dây”, “thỉnh thoảng chúng rơi xuống móc vào cổ những người đi đường. Đã có vài người chết treo” (Đỗ Phấn, 2010, 255). Một ngày ra đường, người thành phố không chỉ đối mặt với nhiễu loạn âm thanh, ánh sáng, khói bụi, ùn tắc. Giữa dòng xe cộ lộn xộn và huyên náo, con người có thể tan biến vào hư vô bất cứ lúc nào. Nếu không may, một chiếc ô tô/ xe máy chạy quá tốc độ, vượt đèn đỏ đâm sầm vào đám đông. Kẻ lái xe “lững thững bỏ đi ngay sau tai nạn. Tổng cộng có tám người nằm trên mặt đất. Một số kêu la giãy giụa. Một số nằm im…” (Đỗ Phấn, 2011, 190). Tại ngay chỗ ấy, “vừa mới tuần trước thôi có một tai nạn giao thông làm cho cậu sinh viên ngã xuống ven đường vào ban đêm” (Đỗ Phấn, 2011, 190). Cả những đứa trẻ ngây thơ, cũng bị chết ngay trên đường đi học về. “Tai nạn giao thông có chừa một ai, mỗi ngày bốn chục người trên cả nước” (Đỗ Phấn, 2010, 278) - Đó là thống kê của Đỗ Phấn trong *Vắng mặt*, dù tiểu thuyết có quyền hư cấu nhưng số liệu đó hẳn cũng có cơ sở từ thực tế.

Tưởng rằng phát triển đô thị là sự mở rộng thông thoáng không gian, hóa ra lại là tạo nên những “nhà giam” ngột ngạt và bế tắc. Lược tả thực tế, nhà văn hướng đến sự phơi bày thực trạng thành phố, dường như “nó đang dung dưỡng trên cơ thể mình những ung nhọt tự làm hại mình? Nó tưởng rằng đang lấn lướt thu nạp vào mình đất đai xung quanh để ngày càng phình to ra mà không hề biết chính nó đang bị xung quanh lấn vào, nuốt gọn?” (Đỗ Phấn, 2011a, 276). Qua từng câu chữ, tác giả đã đặt ra vấn đề bản chất của đô thị: bề ngoài mở rộng không gian hoành tráng, nhưng bên trong thành phố lại như “một lá phổi” ứ đọng nhiều “tế bào ung thư” được nảy mầm từ sự hủy diệt tự nhiên.

Tính đối thoại trong sự tương tác giữa con người và tự nhiên được lặp lại thường xuyên, có chức năng nhấn mạnh đến quan niệm “sinh thái trung tâm”, hoà hợp với muôn loài, giải cấu trúc quan niệm “nhân loại trung tâm”. Vì thế, triết lí nhân quả trong nhiều sáng tác không chỉ là cảnh báo của tự nhiên mà còn hướng đến cách ứng xử, đáp hồi của những sinh mệnh “phi nhân loại**”.** *Săn cá thần* (Đặng Thiều Quang) là bài học về sự khiêm nhường tự nhiên; *Biển và chim bói cá* (Bùi Ngọc Tấn) như bản hùng ca bi tráng về một thời ngang dọc trên biển cả, để lại những “vết thương lòng”; *Thân xác* (A Sáng) cất lên tiếng nỉ non đau thương và sự nổi giận của rừng dẻ trước thời đại cơ giới hoá, vật chất hoá; *Nalis xô dạt bờ định mệnh* (Thương Hà) vang vọng lời nhắn gửi của virus về sự sai lầm và trả giá của con người khi tàn phá Trái đất.

Từ những bài học có tính nhân quả, các nhà văn đã gửi gắm thông điệp về lối sống hài hoà cùng vạn vật. Muốn thực hiện được điều này, con người cần lấy tư tưởng “Thiên - Địa - Nhân” làm thước đo cho hành động, suy nghĩ của mình, và phải thấu hiểu rằng: “Con ong cái kiến hay bất cứ một sinh linh nào có sự sống là có quyền tồn tại như tao và mày” (Nguyễn Trí, 2015, 248). Suy cho cùng, con người chỉ là một phần trong mạng lưới sinh thái. Khai phá tự nhiên, biến những cánh rừng, đồi núi hoang vu thành nơi sinh sống, con người đã để lại trên Trái đất những vết thương khó có thể chữa lành. Thông qua các cuộc chinh phục ấy, những quy luật thiêng liêng của tự nhiên dần hé lộ, mỗi sinh vật đều có giá trị tự thân tồn tại, không phụ thuộc vào nhãn quan hay tư duy thực dụng của con người.

Tư duy sinh thái của thế kỷ XXI hình thành lối diễn ngôn mới, không phải tôn vinh con người với quyền năng sát phạt, thống trị tự nhiên, mà đó là *sự giải cấu trúc chủ thể người, định giá muôn loài trong tương quan đối thoại với “cái khác”, “cái bên lề”.* Trong vai trò một nhà văn cầm bút sáng tạo khi đã đi hơn nửa cuộc đời; Đỗ Phấn có một quá trình tương tác, va chạm với tự nhiên bằng nỗi xót xa muộn màng. Bởi thế, ông từ chối lối viết lí tưởng hoá thiên nhiên, thần thánh hoá con người. Cái nhìn về tự nhiên không theo bút pháp của chủ nghĩa lãng mạn, không có những dòng văn hoài cổ vẻ đẹp thôn quê, đồng nội, Đỗ Phấn hướng trực diện vào sự khắc nghiệt và nếm trải của con người trong việc xác lập địa vị với tự nhiên. Tiểu thuyết *Ruồi là ruồi* là sự tranh biện, đối chất giữa con người với con ruồi. Dân gian thường lấy ruồi làm thước đo với những gì xấu xa, nhơ bẩn. Nhưng, Đỗ Phấn lại chứng minh, từ thành tựu phát triển của ngành sinh vật học, các nhà khoa học đã phát hiện ra vai trò của ruồi trong chuỗi tiến hoá vạn vật. Ruồi là “chất tác nhân” cho một số loại thực vật sinh sản, thụ phấn; ruồi cũng có chứa hợp chất để sử dụng “lên men” trong các ngành thực phẩm, chế biến. Đặt trong hệ sinh thái, bất kì loài nào cũng có “giá trị tự thân”. Trong khi đó, nhà văn lại ví von loài người lại có những hành xử không hơn gì ruồi. Họ là những kẻ cơ hội, sống bám vào người khác; thích xu nịnh, ngọt ngào; sống vô ơn, bội bạc, phản gián… Vì thế, các câu tục ngữ, ca dao: “ruồi bu kiến đậu”, “mật ngọt chết ruồi”, “bẩn như loài ruồi bọ”, “ơn bằng cái đĩa/ nghĩa bằng con ruồi”, “tương tư chẳng ốm cũng sầu/ con ruồi đậu mép chẳng đau cũng buồn”… đã trở thành ẩn dụ để ám chỉ con người. Ở một tiểu thuyết khác, *Rụng xuống ngày hư ảo* là thông điệp cảnh báo của loài dơi: “Con người hãy đợi đấy. Loài dơi sẽ mang đông đảo dân số của mình tràn vào thành phố. Đừng tưởng chỉ có con người mới biết biến hóa đất đai để mua bán sang nhượng. Dơi còn biến hóa hơn thế nhiều. Chẳng thể biết trong đám người thành phố có bao nhiêu con dơi biến hình mà thành. Chúng mang linh hồn của những con người thật đã qua đời trong thành phố. Mang cả linh hồn con người ở nhiều vùng kéo về” (Đỗ Phấn, 2015, 152). Con người trong quá trình phát triển đã phá hủy hệ sinh thái, cũng chính là phá hủy ngôi nhà chung của những sinh vật tồn tại trong thành phố. Họ chia nhau phần lãnh thổ của loài dơi và của tất cả các loài khác. Và nếu như đến một ngày nào đó, khi loài vật không còn chỗ để sinh sống sẽ thế nào? Chúng sẽ vùng lên loại bỏ loài người như chính cách con người đã từng làm với chúng? Từ việc để những sinh vật “bên lề” lên tiếng, Đỗ Phấn đã khẳng định: Loài vật có thể nhìn xuyên vào thế giới con người, hoá thân và chống cự với con người một cách âm thầm như quy luật “kiến giết voi” trong dân gian, khiến con người ngấm ngầm nhận ra sự thất bại thảm hại của mình trước tự nhiên.

Không đồng tình với quan niệm “nhân loại trung tâm”, các nhà văn nhận thấy, ý đồ thiết lập một trật tự - đẳng cấp nào đó cho con người không còn phù hợp, lạc thời. Bỏ qua những điều mang tính quan phương, nguyên uỷ, tiểu thuyết Việt Nam đương đại tập trung vào cái phi trung tâm, cái bên lề, hướng con người trong trạng thái vận động không hoàn kết. “Nó cho phép nhìn thế giới bằng con mắt mới, nhận thấy tính tương đối của mọi thực tại hiện hữu và khả năng có thể có một trật tự thế giới hoàn toàn khác” (Bakhtin M, 2006, 75). Suốt bao thế kỉ qua, nhân loại đã “tự phong” cho mình vị trí tối thượng trong trật tự địa cầu, để rồi hàng loạt những sai lầm đã xảy ra, trong đó có những nhận thức và ứng xử văn hóa lệch lạc đối với tự nhiên, đẩy tự nhiên đến bờ vực nguy hiểm. Do đó, bằng việc giải cấu trúc quan niệm “nhân loại trung tâm”, đồng thời *chứng minh dạng thức tồn tại của thế giới là những mảnh vỡ - phi trung tâm*, văn chương đã mang lại cho con người thế kỉ XXI một sự thấu tận vấn nạn sinh thái. Như nhận định cho rằng: “thực tế tiểu thuyết gần đây cho thấy, chẳng có một trung tâm nào, phép nhị nguyên đối lập nhằm truy tìm cái trung tâm hay nguyên ủy (origin) không còn là phương thức hợp thời. Giai đoạn trước Đổi mới, dù nhà văn có nhiều cách nhìn nhận khác nhau về tự nhiên, nhưng đều có điểm chung sau cùng là nói đến con người, lấy con người làm trung tâm để mô tả, phản ánh, đánh giá tự nhiên. Nhưng công nghiệp hóa, hiện đại hóa bên cạnh thúc đẩy sự phát triển vượt bậc, đồng thời cũng đưa đến mối nguy hại về môi sinh, cảnh quan. Nên sự xuất hiện những hình ảnh săn bắt động vật quý hiếm, chặt cây lấy gỗ không còn được nêu lên bằng giọng điệu ca ngợi tài trí của con người, mà thay vào đó là những cảnh báo về sự biến mất của tự nhiên, thức tỉnh tư duy con người để thay đổi nhận thức mới về văn hóa tự nhiên” (Nguyễn Thùy Trang, 2017, 77).

Giữa cơ chế thị trường với những biến đổi nhanh chóng và có phần bất ngờ, con người bơ vơ, không hề có một lực lượng tối cao nào đủ sức che chở cho nhân loại khỏi động đất, sóng thần, dịch bệnh, lũ lụt... Tọa độ tự nhiên giờ không còn cố định loài người ở vị trí trung tâm. Tiểu thuyết là những cuộc hành trình và những hoang mang bất tận trước sự ngột ngạt của không gian thành thị. *Ruồi là ruồi* của Đỗ Phấn; *Nhắm mắt nhìn trời* của Nguyễn Xuân Thủy, *Sông* của Nguyễn Ngọc Tư, *Khởi đầu là mèo* của Tô Hải Vân... - những tác phẩm này chỉ ra, niềm tin vào khả năng làm chủ hiện thực đang dần mất đi trong suy tư của con người. *“Nỗi cô đơn đã biến thành hoài nghi sợ sệt. Chẳng ở đâu con người dễ nổi nóng như thành phố... Con người phải sợ hãi đến mức nào thì mới trở nên hung dữ như thế?”* (Đỗ Phấn, 2014, 92). Đó là những trải nghiệm của nhân vật chính trong *Ruồi là ruồi* khi ngộ thấu giữa cuộc sống hiện đại, tân tiến, tưởng là bá chủ, con người lại càng nhỏ nhoi, nhạt nhòa; khiến cho nhân vật phải trần tình, *“không thể ru rú trong căn hộ tầng cao. Một cỗ máy để ở dù hoàn chỉnh đến mức nào thì cũng bộc lộ đầy khiếm khuyết. Nó dồn con người vào một nỗi cô đơn tuyệt đối cách xa đồng loại ngay ở chỗ tập trung rất đông con người”* (Đỗ Phấn, 2014, 92). Từ tâm thức này, tiểu thuyết không nhằm hướng đến một vấn đề tập quyền, mà phân rã trong những hành trình đi tìm bản thể.

Theo đó, sự đề cao con người như một thực thể sống toàn vẹn, tâm điểm của mọi sinh loài, trong cái nhìn phi trung tâm, sẽ bị phá hủy, loại bỏ. Chính điều này giúp cho các nhà nghiên cứu dịch chuyển trung tâm qua những đối tượng mang tính chất thực tế hơn: “Trái đất trung tâm”, “sinh vật trung tâm”, “sinh thái trung tâm”. Tất cả đều thể hiện một cái nhìn bình đẳng đối với vạn vật. Một quan niệm mới về tự nhiên được tái thiết: con người không còn “độc quyền”, mà bình đẳng cùng muôn loài. Đây cũng là một kiểu phá bỏ “đại tự sự” để hướng về các tiểu tự sự.

**2.2. Tra vấn về chủ nghĩa tiêu dùng**

Chủ nghĩa tiêu dùng (Consumerism) là thuật ngữ được bắt đầu sử dụng vào những thập niên cuối thế kỉ XX trước thực trạng tiêu dùng tăng cao, mưu cầu vật chất lớn, các ngành công nghiệp phát triển bùng nổ, đáp ứng tham vọng sở hữu của con người. Chủ nghĩa tiêu dùng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường theo nhiều cách khác nhau: khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên, lãng phí hệ sinh thái, tích tụ chất thải công nghiệp, ô nhiễm khói bụi và âm thanh... Sự bành trướng của chủ nghĩa tiêu dùng được xem là một trong những nguyên nhân chính gây nên hiểm họa đối với tương lai nhân loại. Ở Việt Nam, trong bối cảnh đô thị hóa, sự chuyển dịch từ một xã hội sản xuất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp đã hình thành tâm lí “khoái cảm tiêu dùng”, “sở thích mua sắm” trong mỗi người dân. Giá trị hạnh phúc được con người cân đo bằng tiền bạc và của cải.

Luận về mặt trái của chủ nghĩa tiêu dùng, tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỉ XXI đã có những tự sự đầy tâm tư. Trước hết, đó là *sự chất vấn của các nhà văn về mối tương quan giữa chủ nghĩa tiêu dùng với tư duy thực dụng của một bộ phận nông dân*. Gắn với “quyền sở hữu” tự nhiên, con người đã ngộ nhận tài nguyên luôn vô tận, mặc sức khai thác. Từng có thời, người Việt Nam đã hô vang khẩu hiệu: “rừng vàng biển bạc”, vô tình đã dẫn đến những hành động tàn phá môi trường nặng nề trước nhu cầu trỗi dậy lớn lao về tiêu dùng. Nguyễn Trí “nhại” lại khẩu hiệu trên: “Miền Đông của đất nước nầy là vàng là bạc chứ chẳng phải chơi” (*Thiên đường ảo vọng*), nhưng nhà văn lại cho thấy, với nhận thức như vậy, những cánh rừng miền Đông đã và đang oằn mình vì sức tàn phá của dân du canh du cư. “Dân bốn phương tụ về, ra tay phá lâm làm rẫy cứu đói” (*Ăn bay*). Ba Mập cùng đồng bọn đã hành động như thể chúng tin rằng có chặt đi vài cánh rừng cũng không làm hao tổn được tài nguyên tổ quốc, sự biến mất của những cây cổ thụ chẳng qua là sự đòi hỏi đích đáng mà Trái đất phải cung ứng cho con người. Cách nghĩ và hành xử thiển cận đó dường như không chỉ phổ biến trong các sáng tác của Nguyễn Trí mà còn hiển hiện ngay trong thực tiễn đời sống và văn chương Việt Nam đương đại.

Nhiều tác phẩm đã bóc trần hành động chiếm lĩnh “hành tinh xanh” bằng tư duy lạc hậu. Tiểu thuyết *Thập giá giữa rừng sâu* của Nguyễn Khắc Phê lên án một bộ phận người làng Sim hoang phí tài nguyên với “lòng tham vô đáy, ước muốn chiếm hữu không cùng. Nhà một tầng không ở hết vẫn muốn xây lầu; xa-lông *gõ*vừa mua đã muốn đổi hàng tiện *trắc*, *cẩm lai*. (…) Vậy nên cũng như ở nhiều nơi, khu rừng Yên Ngựa đầy những “vết thương” ngang dọc - những lối mòn, những đường trượt gỗ khứa sườn dốc thành mương, thành máng trơn láng, đỏ quạch” (Nguyễn Khắc Phê, 2002, 24). Do đó, khi đặt câu *“Bàn tay ta làm nên tất cả/ Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”* (Hoàng Trung Thông) trong “không gian” *Thập giá giữa rừng sâu* lại mang hàm nghĩa khác so với “không gian” hào hùng, khí thế của thơ ca cách mạng. Trong *Sông* (Nguyễn Ngọc Tư), những người dân đồng bằng sông Cửu Long cũng tồn tại lối suy nghĩ: “Sông, thấy mênh mông mà dễ giết. Người ta ước tính làm một dòng sông cạn còn dễ hơn làm một con đường. Sông Di cũng đang bị những dãy nhà hai bên bờ chồm ra bóp nghẹt” (Nguyễn Ngọc Tư, 2012, 28). Các văn bản, dù chủ đề chính có thể không giống nhau, nhưng đều chứa đựng những mảnh ghép về hiện trạng tư duy thực dụng của con người với tự nhiên.

*Chất vấn chủ nghĩa tiêu dùng còn thể hiện qua việc nêu lên mặt trái của nó*. Dù không bao quát hết các phạm trù xung quanh chủ nghĩa tiêu dùng, song các tiểu thuyết đã vạch trần một cách chính xác những hiểm họa của nó, với các hệ quả liên quan như thế giới tự nhiên, giá trị vật phẩm và ý thức của con người. Thấu hiểu những hệ quả khi đề cao chủ nghĩa tiêu dùng, Đỗ Phấn bày tỏ sự bất bình trước thái độ sùng bái vật chất của lớp “thị dân mới” khiến môi trường đô thị bị đe dọa. Với nhiều thủ đoạn, con người đã tàn phá cây cối để giành chỗ phục vụ cho những mưu cầu riêng. Ưu tiên hàng đầu của họ là trồng những loại “dễ sống, mau lớn bất kể con phố đang trồng loại cây gì”. Bởi thế, làng trồng đào truyền thống – vốn là biểu tượng và niềm tự hào chốn kinh kì giờ bị san phẳng thành một “đại công trường xây dựng”. Theo đó, cái thú chơi hoa từ ngày Đức Thái Tổ Lý Công Uẩn chọn nơi này làm kinh đô chỉ còn lưu dấu mờ nhạt ở một vài làng hoa cổ. “Người Hà Nội chơi hoa đã thành cái lẽ đương nhiên phải thế. Dù nghèo khổ hay giàu có, trong nhà thể nào cũng phải có mấy chiếc lọ, chiếc bình cắm hoa. Dù mặt phố sầm uất hay ngỏ nhỏ tối tăm thì đến tết xuân về trong nhà không thể thiếu lọ hoa tươi” (Đỗ Phấn, 2016, 326). Xuân đến là đào, mai, thược dược, violet, đồng tiền; mùa hạ là hồng, loa kèn, cẩm chướng, sen; mùa thu cúc vàng cúc trắng từ Ngọc Hà về rợp phố; mùa đông vẫn còn những bông cúc muộn, hoa lưu li và hải đường đỏ. “Hoa làm nên tính cách người Hà Nội”, mà cũng có thể “người Hà Nội tạo ra lối chơi hoa của mình” - “điềm đạm, mực thước, khiêm nhường không ồn ào phô trương”. Tuy nhiên không hiểu tự lúc nào, người dân mãi quay cuồng với công việc và những điều phù phiếm. Tiền bạc chiếm hết mọi tâm trí, thú chơi hoa chẳng còn là một đam mê thanh tịnh. “Đất những làng trồng nổi tiếng thu hẹp và nhường chỗ cho người. Cũng là bỏ mất nghề xén tỉa chăm sóc hoa riêng có của mình”. Thay vào đó, “Hà Nội chơi hoa trồng theo lối công nghiệp ở những vùng xa hơn Mê Linh, Hưng Yên”, với những “thứ hoa lai tạo mập mạp tốt tươi nghìn bông hoa như một cứ thấy ngán ngẩm trong lòng” - một thứ hoa “được dán bằng phiếu phân phối” sẽ chẳng còn giá trị của hương thơm và thanh sắc tự nhiên. Với ý niệm tôn thờ vật chất, tự nhiên trở thành món hàng hấp dẫn con người khai thác. Giữa thủ đô tráng lệ và phồn hoa, quy luật cung - cầu được nhà văn mường tượng như một phác đồ tâm hướng lên cao không có điểm dừng. Cái nhìn về đời sống đô thị trong trải nghiệm của nhà văn không đơn thuần là sự hỗn tạp của âm thanh, ánh sáng, phương tiện, mà còn là những hỗn tạp nhu cầu của thị dân.

Ước muốn thưởng thức tất cả mọi vật phẩm tồn tại trong thế giới hoang dã đã tạo nên cơn lốc cung - cầu, đẩy số phận của nhiều sinh vật trước vấn nạn tuyệt chủng. Trong tiểu thuyết *Sông*, Nguyễn Ngọc Tư đã phản ánh thực trạng của loài ốc sống giữa Di giang. Ốc Đồng Nàng bị con người tuyệt diệt không thương tiếc, chỉ còn những câu chuyện hư thực ghi trong Di lưu ký. Đó là loài ốc dành để tiến vua, ốc đắt như vàng, đắt vì huyền thoại, khiến nhiều người săn lùng ráo riết và bất chấp mọi thủ đoạn, nhưng khó mà kiếm được. Còn qua *Nhắm mắt nhìn trời*, Nguyễn Xuân Thủy phác thảo một bức tranh nông thôn trong quá trình đô thị hóa. Không còn tiếng ếch nhái ven đê, tiếng gáy của dế mèn, tiếng lích rích của côn trùng trong lòng đất, vùng quê trở thành nơi “hỗn chiến” giữa phố và làng, giữa đất nông nghiệp và đất thổ cư, giữa cánh đồng và khu đô thị. Những con người nơi đó, vì để thỏa mãn khẩu vị ẩm thực “hương đồng gió nội”, đã tàn sát cá nhệch như thể chúng là loài “thủy sinh cuối cùng”. Khi cá nhệch trên sông đã vơi mất, người ta làm đủ phương cách để nuôi và nhân giống cá nhệch, kể cả việc phải đánh mất nhân tính. Những thai nhi bị nạo phá, những khối u cắt bỏ, những phế phẩm xác người lấy từ bệnh viện,… đã trở thành thức ăn tăng năng suất cho cá nhệch. Trên bàn tiệc, người ta thưởng thức món cá nhệch như một đặc sản quý hiếm mà không hề quan tâm đến nguồn gốc của giống loài.

Chủ nghĩa tiêu dùng (consumerism) thúc đẩy quá trình tương tác giữa “Cung” và “Cầu”, tạo nên*bậc thang giá trị mới trong quan niệm sống, tác động không nhỏ đến vấn đề luân lí và đạo đức*. Vì nó dễ biến con người trở thành nô lệ của vật chất, hoang phí tài nguyên, hời hợt với tương lai. Văn học được ví như tấm gương phản quang dữ kiện của đời sống, in dấu tâm tư, thái độ, quan niệm của nghệ sĩ. Không quá khi khẳng định rằng, *Tôi ngồi đây chờ cơn bão tới* của Nguyễn Hải Nhật Huylà tiểu thuyết miêu tả sinh động, rốt ráo những biểu hiện và hệ luỵ mà chủ nghĩa tiêu dùng gây ra. Và theo nhà văn, chủ nghĩa tôn thờ vật chất tạo nên nỗi bất an trong đời sống, đẩy nhân loại vào những bi kịch, gây ra những chấn thương, tha hóa. Cảm nhận phố phường trong quan sát của Thái Vũ là sự thô thiển, khó ưa của rừng trung tâm thương mại, bảng quảng cáo, cửa kính và ma-nơ-canh, thỉnh thoảng đồ đạc phảng phất mùi hóa chất. Về mối quan hệ cộng đồng, Thái Vũ xem đó là sự tổ hợp mạng lưới phức tạp của hơn bảy tỉ cá thể người trên hành tinh, và “những tác động của mỗi cá thể hoặc mỗi tập hợp cá thể lên các nhóm hoặc cá thể còn lại sẽ gây ra một hiệu ứng, bản thân hiệu ứng đó lại gây ra một hoặc nhiều hiệu ứng khác. Kết quả cuối cùng là gần như không thể dự đoán được” (Nguyễn Hải Nhật Huy, 2018, 154). Vì không thể dự đoán được, cũng như không muốn chịu ảnh hưởng của hiệu ứng tiêu dùng, Thái Vũ đã tạo một màng bọc “an toàn”, ngăn cách mình với thế giới bên ngoài, hướng đến một lối sống bản nguyên, đơn giản. Nhưng bao quanh anh là một bộ phận người có khuynh hướng suy tôn vật chất và xem nhẹ những giá trị tinh thần. Làm nghề media agency - lĩnh vực truyền thông nhằm kích cầu mua sắm, Thái Vũ hiểu rõ hơn ai hết sự phi lí, bạc bẽo của thời đại tiêu dùng. Anh nhận ra mình đang làm việc cho “một loại dầu nhớt bôi trơn cho cả xã hội vận hành”, đang “tiếp tay cho sự phỉnh dụ kinh khủng”, và ngày càng dấn thân sâu hơn vào “bóng tối của sự thất đức”. Vì những slogan tuyên truyền của các nhãn hàng, thương hiệu không bao giờ đúng như quảng cáo; đó là sự thổi phồng, lừa dối thị hiếu, thẩm mĩ của người mua hàng. Quằn quại giữa đô thị ngột ngạt, nơi con người bị bủa vây bởi truyền thông, nơi hàng ngàn thông điệp quảng cáo tung ra và tạo khuôn mẫu cho hành vi sống của con người, Thái Vũ “vừa là nạn nhân vừa là thủ phạm” của chính công việc mình làm.

Thái Vũ còn là kiểu nạn nhân điển hình cho “sự phân biệt về giới trong văn hóa con người”. Nghĩa là “hắn chịu cái áp lực phải hoàn thành xuất sắc vai trò một con đực nếu muốn giữ bạn tình bên cạnh. Đối với đại đa số người đực thì áp lực đó là động lực sống, nhưng đối với một số cá thể có tính cách chuyên nghiệp như Thái Vũ, nó lại là một gánh nặng” (Nguyễn Hải Nhật Huy, 2018, 142). Quả thực, để làm tròn vai diễn người đàn ông hoàn hảo, anh phải chịu những áp lực rất lớn về tiền bạc. “Cái hệ thống mà chúng ta đang sống là nơi mà nếu bạn không có tiền thì mọi thứ sẽ nát bét hết cả. Tất cả mọi thứ xung quanh bạn, kể cả chính bạn, hoạt động vì mục đích đẩy bạn đi mau hơn trên cái xa lộ của kiếm tiền và tiêu tiền. Thế thôi, nếu không làm hai việc đó thì bạn chẳng có giá trị mẹ gì. Người ta sẽ chỉ tay vô mặt bạn và nói “đàn ông gì kỳ” (Nguyễn Hải Nhật Huy, 2018, 71). Khi không đáp ứng “cung - cầu” cho tình nhân, Thái Vũ chỉ là một người đàn ông “dị hợm”. “Xung quanh bạn có cả đống người cứ mặc định cho rằng họ yêu thương bạn vô cùng và không có bạn thì họ chết toi. Nhưng họ không bao giờ có đủ thời gian để ngồi bên cạnh bạn. Họ không bao giờ muốn nghe bạn nói về giáo sư Snape hoặc tình bạn giữa Doraemon và Nobita chẳng hạn. Ý tôi là mọi thứ mà bạn thu thập được trên đường đời chỉ tổ làm bạn thấy cô độc hơn mà thôi. Đếch có gì trụ lại bên bạn vô điều kiện. Và để giữ lại tất cả bên mình, bạn cứ phải phấn đấu không ngừng” (Nguyễn Hải Nhật Huy, 2018, 53). Sống như Thái Vũ bây giờ không phải là sống mà chỉ đang gồng mình để tồn tại. Vì sự rung cảm, thấu hiểu không còn là tiêu chí quan trọng trong tình yêu nữa. Cái làm nên một tình yêu hoàn hảo trong thời đại này chính là phải lấp đầy không gian sống của tình nhân bằng vật chất tiện nghi, đáp ứng những điều kiện, sở thích sa hoa, phù phiếm.

Nhà văn đã đặt ra thực trạng nhức nhối trong xã hội hiện đại: *khi ham muốn vật chất quá lớn, con người sẽ trở thành nô lệ của nó*. Danh từ “thẻ tín dụng” được nhắc đến rất nhiều trong tác phẩm, là một biểu ngữ của quảng cáo, cũng là dụng ý của nhà văn. Đó là thứ giúp con người có thể “tận hưởng cuộc sống thành công” nếu không có tiền ngay lúc đó. Sự ra đời và phát triển thịnh hành của thẻ tín dụng là một sự khẳng định cho việc con người không bao giờ thoả mãn với những gì đã có, luôn chạy theo những ảo vọng, sa vào mạng lưới tiêu dùng một cách mù quáng, thiếu suy tính cho lợi ích thực thụ và lâu dài. Vì vậy, hình thức quảng cáo thẻ tín dụng được tác giả giễu nhại khi nó “đi kèm với hình ảnh một cá thể người đực trong độ tuổi sinh sản lý tưởng, ăn mặc bảnh bao, cái từ này gợi nhắc đến một trong những giá trị được đề cao nhất trong hệ thống giá trị của loài người: vị trí của một cá thể đực đầu đàn. Bằng cách gán hình ảnh đó với việc sử dụng thẻ tín dụng, câu này làm thức tỉnh bản năng chiếm hữu và khẳng định đực tính. Sự sung túc và nhu cầu tích trữ vật chất luôn là một trong các yếu tố mang tính quyết định đối với bất kì con đực nào trong cuộc chiến giành giật quyền giao phối với con cái trong xã hội của con người, cũng như nhiều loại động vật có vú khác” (Nguyễn Hải Nhật Huy, 2018, 188). Sự châm biếm thể hiện ngay trong nhận định này, khiến tiểu thuyết của Nguyễn Hải Nhật Huy chất chứa lắm nỗi niềm về thời cuộc. Cứ thế, con người luôn luẩn quẩn trong vòng xoáy nghịch lí giữa tiền bạc giới hạn và ham muốn vô biên.

Đối thoại liên văn bản được tác giả sử dụng đắc địa khi liên đới đến những vấn đề nóng hổi từng xuất hiện trong các bản tin thời sự, các mẫu quảng cáo của truyền thông, internet, mạng xã hội facebook, instagram. Những khẩu hiệu thân thuộc như: “thành công trong cuộc sống”, “dám khác biệt”, “phụ nữ độc lập”, “đàn ông thành đạt”, “mua lấy căn nhà mơ ước của bạn”... trở thành các trích dẫn mang tính khiêu khích của nhà văn. Độc giả dễ dàng tìm thấy hình ảnh của mình trong xã hội mà Nguyễn Hải Nhật Huy miêu tả, với vụ scandal con ruồi trong chai sữa chua, các cuộc thi đấu The Idolz, sự nhốn nháo của cư dân chung cư Vhom. Không biết xúi quẩy hay may mắn, nhân vật Q làm tiêu tan cuộc đời của Thái Vũ bằng một cú hack máy tính đơn giản, và toàn bộ những vở kịch truyền thông bị phơi bày ra cho cả nhân gian. Ruồi hay thạch tín, sữa chua hay nước mắm truyền thống - những sản phẩm mà con người từng bổ xô vào mua sắm trở thành thứ vật chất đầy gian dối, hoài nghi và hoang mang.

Quá trình đánh tráo sự thật và cái phi sự thật diễn ra bất ngờ, hụt hẫng. Nguyễn Hải Nhật Huy còn cho thấy, đằng sau những dòng quảng cáo sữa thơm ngon, bổ dưỡng là thân phận những con bò “không hạnh phúc”, luôn phải oằn mình vắt kiệt sinh lực trong các khu công nghiệp; đằng sau những trang trại chăn nuôi là môi trường đầy ruồi nhặng, nguồn nước ô nhiễm, người dân quanh đó phải di cư vì không thể sống và trồng trọt, “cả vùng này trở thành một nghĩa địa khổng lồ”. Và đằng sau những toà nhà cao tầng, hiện đại bậc nhất là sự chắp rời lổm chổm của kiến trúc nửa vời, theo kiểu “đắp resort như một bà trung niên đắp dưa leo lên mặt trước khi đi ngủ”. Chủ nghĩa tiêu dùng đã tạo ra những hệ luỵ đau lòng như thế!

Các tiểu thuyết *Rừng người* (Đỗ Phấn), *Thang máy Sài Gòn* (Thuận), *Giữa dòng chảy lạ*c (Nguyễn Danh Lam), *Ba ngôi của người, Thị dân tiểu thuyết* (Nguyễn Việt Hà),… cũng đều phác thảo bức tranh đời sống đô thị hiện đại với những vật chất trống rỗng vô hồn; các trung tâm thương mại và cửa hàng nhân bản giống hệt nhau, trở thành mê cung khó lòng thoát khỏi giữa “rừng người”. Để chủ nghĩa tiêu dùng không đi quá tầm kiểm soát của con người, có lẽ mượn lời của nhà văn Nguyễn Việt Hà: “khi đã biết nhiều về hạnh phúc thì đương nhiên sẽ sở hữu nhiều sự bất hạnh. Khi phát triển năng lực hưởng thụ cao hơn thì đương nhiên sẽ phát triển năng lực chịu đựng đau khổ sâu sắc hơn” (Nguyễn Việt Hà, 2019, 228). Dụng ý này diễn tả mặt trái của “giá tri hạnh phúc” và “năng lực hưởng thụ”. Cân bằng được sự hưởng thụ xứng đáng với thành quả lao động, với thực tiễn đời sống vật chất và tinh thần, con người sẽ bớt đi những “đau khổ”, “bất hạnh”. Ngược lại, nếu cứ mãi chạy theo vật chất phù phiếm, thì giá trị văn hoá, tinh thần của nhân loại sẽ nghèo nàn và cạn kiệt. Đó chẳng khác gì một hình thức tự huỷ diệt của con người.

**3. KẾT LUẬN**

Đối thoại về môi trường sinh thái - đô thị là một trong những vấn đề nóng bỏng được các nhà văn hướng đến trong tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỉ XXI. Các chủ đề đối thoại tập trung vào hai phương diện cơ bản: phản tư quan niệm “nhân loại trung tâm” và chất vấn về chủ nghĩa tiêu dùng. Ở chiều đối thoại nào, các nhà văn cũng thể hiện tiếng nói dân chủ, có lập trường và nhận thức sâu sắc về môi trường sinh thái - đô thị. Trong thực tiễn đối thoại, ý thức, tư tưởng, quan niệm của các nhà văn được xem như một liên ý thức, liên chủ thể, khởi sinh từ ảnh hưởng hệ hình văn hoá phương Đông, triết lí hiện đại phương Tây và bối cảnh môi trường - xã hội Việt Nam. Những chiều đối thoại được trình bày trên đây thể hiện sự chất vấn, thách thức, giải thiêng; cùng nhiều suy tư, xác tín, định giá và lôi cuốn người đọc tham gia vào những cuộc đối thoại khác bên ngoài văn bản. Vì thế, tính đối thoại sinh thái trong tiểu thuyết đã đánh dấu một sự phát triển mang tính “vẫy gọi” trong sáng tạo, tiếp nhận, phê bình văn học Việt Nam đầu thế kỉ XXI.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bakhtin M. (2006). *Sáng tác của Francois Rabelais và nền văn hóa dân gian Trung cổ và Phục Hưng*. Khoa học xã hội.
2. Đỗ Phấn. (2010). *Vắng mặt*. Hội Nhà văn.
3. Đỗ Phấn. (2011a). *Chảy qua bóng tối*. Trẻ.
4. Đỗ Phấn. (2011b). *Rừng người*. Phụ nữ.
5. Đỗ Phấn. (2014). *Ruồi là ruồi*. Trẻ.
6. Đỗ Phấn. (2015). *Rụng xuống ngày hư ảo*. Trẻ.
7. Đỗ Phấn. (2016). *Vết gió*. Trẻ.
8. Elly R, Parkes P & Bicker A. (2010). *Tri thức bản địa về môi trường và những biến đổi-Các quan điểm nhân học phê phán*. Thế giới.
9. Fukuoka M. (2017). *Gieo mầm trên sa mạc* (XanhShop dịch). Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Hải Nhật Huy. (2018). *Tôi ngồi đây chờ cơn bão tới*. Hội Nhà văn.
11. Nguyễn Khắc Phê. (2002). *Thập giá giữa rừng sâu*. Trẻ.
12. Nguyễn Ngọc Tư. (2012). *Sông*. Trẻ.
13. Nguyễn Thị Tịnh Thy. (2017). *Rừng khô, suối cạn, biển độc và văn chương-Phê bình sinh thái*. Khoa học xã hội.
14. Nguyễn Thùy Trang. (2017). Sự lật đổ quan niệm “nhân loại trung tâm” trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại. *Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, 14(4B), 72-80.
15. Nguyễn Trí. (2015). *Thiên đường ảo vọng*. Trẻ.
16. Nguyễn Việt Hà. (2019). *Thị dân tiểu thuyết.* Trẻ.